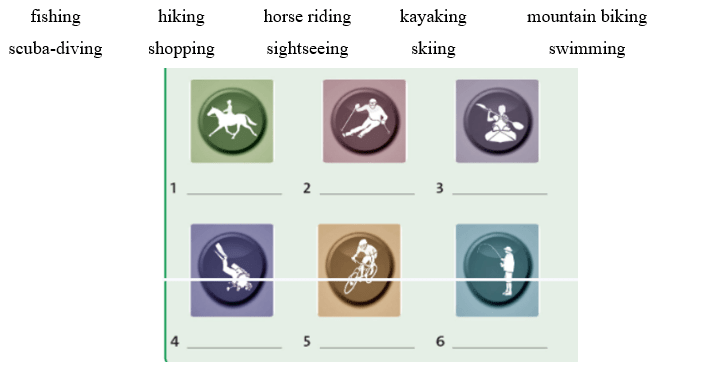
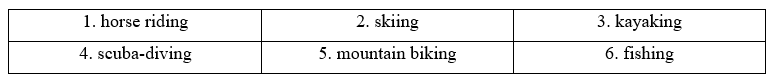
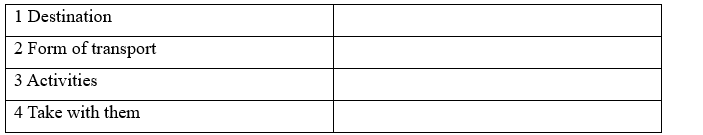
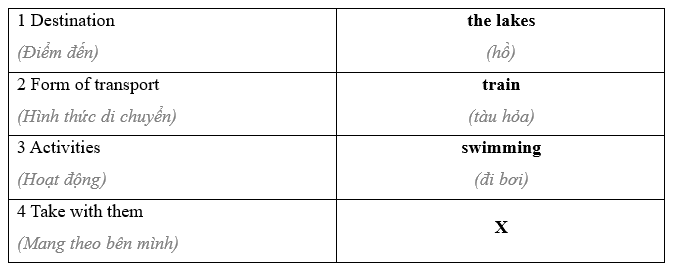
# Unit 8G. Speaking (trang 70)

**SBT Tiếng Anh 11 trang 70 Unit 8G. Speaking - Friends Global**  
**Guided conversation**  
*I can have a conversation about holiday plans.*  
**Revision: Student Book page 104**  
**1. Label the icons with six of the holiday activities below.**  
*(Dán nhãn cho các biểu tượng sáu hoạt động trong ngày lễ dưới đây.)*  
  
**Phương pháp giải:**  
\*Nghĩa của từ vựng  
fishing: câu cá  
hiking: đi bộ đường dài   
horse riding: cưỡi ngựa   
kayaking: chèo thuyền kayak  
mountain biking: đạp xe leo núi   
scuba-diving: lặn   
shopping: mua sắm  
sightseeing: ngắm cảnh   
skiing: trượt tuyết   
swimming: bơi lội  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**Speaking Strategy**  
In a guided conversation, it is important to interact appropriately with the other person. Do not just give your own opinions and ignore what the other person is saying.  
*(Chiến lược nói*  
*Trong cuộc trò chuyện có hướng dẫn, điều quan trọng là phải tương tác phù hợp với người khác. Đừng chỉ đưa ra ý kiến của riêng mình và bỏ qua những gì người khác đang nói.)*  
**2. Read the Speaking Strategy. Then choose the correct reply question below for each statement. There are two extra questions.**  
*(Đọc Chiến lược nói. Sau đó chọn câu trả lời đúng dưới đây cho mỗi câu phát biểu. Có hai câu hỏi bị thừa.)*  
  
1 I haven’t got enough money for this holiday.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
2 You need to book the train tickets soon.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
3 You’d better check in that large bag.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
4 You don’t seem happy about the arrangements.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
5 I’m booking a hotel for the first two nights.  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
**Lời giải chi tiết:**  
  
1 I haven’t got enough money for this holiday.  
*(Tôi không có đủ tiền cho kỳ nghỉ này.)*  
 **Haven’t you**?  
*(Thật hả?)*  
2 You need to book the train tickets soon.  
*(Bạn cần đặt vé tàu sớm.)*  
 **Do I**?  
*(Thật hả?)*  
3 You’d better check in that large bag.  
*(Tốt hơn hết bạn nên kiểm tra chiếc túi lớn đó.)*  
 **Had I**?  
*(Thật hả?)*  
4 You don’t seem happy about the arrangements.  
*(Bạn có vẻ không hài lòng với sự sắp xếp này.)*  
 **Don’t I**?  
*(Thật hả?)*  
5 I’m booking a hotel for the first two nights.  
*(Tôi đặt phòng khách sạn trong hai đêm đầu tiên.)*  
 **Are you**?  
*(Thật hả?)*  
**3. Listen to a student and examiner doing the task after exercise 2. Which point do they forget to cover? Complete the table.**  
*(Nghe học sinh và giám khảo làm bài sau bài 2. Họ quên trình bày điểm nào? Hoàn thành bảng.)*  
  
**Phương pháp giải:**  
**Bài nghe**  
**Examiner:** So where are we going for our day trip? It shouldn’t be too far, should it?  
**Student:** No, I suppose not. We don’t want to spend too much time travelling.  
**Examiner:** So what do you think? Where’s the best place?  
**Student:** We could go to the lakes.  
**Examiner:** Why do you want to go there?  
**Student:** I think it’s really beautiful there. The scenery is amazing – and it’s really clean. There’s no pollution – unlike this city!  
**Examiner:** Yes, you’re right. How should we get there?  
**Student:** The train is quite fast, isn’t it? I think it takes about an hour and a half.  
**Examiner:** Yes, that’s a good idea. Although I’ve got a car – I could drive.  
**Student:** I don’t think that’s a good idea. It takes much longer by car. The train is definitely the best way to get there.  
**Examiner:** OK, that’s fine. Let’s go by train. It isn’t too expensive, is it?  
**Student:** No, I don’t think so.  
**Examiner:** So what are we going to do while we’re there?  
**Student:** I really like fishing.  
**Examiner:** Really? I’m not keen on fishing. And I don’t think many of our other classmates like it.  
**Student:** Oh, OK. Well, that doesn’t matter. There are lots of other things we could do, aren’t there? We could go kayaking.  
**Examiner:** Yes, I suppose so. Although that can be quite expensive.  
**Student:** Or we could just go swimming. Everybody likes swimming, don’t they?  
**Examiner:** Yes, they do. And the water shouldn’t be too cold at this time of year.  
**Student:** Well, I think we’ve got a good plan. Let’s tell the others, shall we?  
**Examiner:** Good idea!  
**Tạm dịch**  
*Giám khảo: Vậy chúng ta sẽ đi đâu trong chuyến đi trong ngày? Nó không nên quá xa phải không?*  
*Sinh viên: Không, tôi cho là không. Chúng tôi không muốn dành quá nhiều thời gian đi du lịch.*  
*Giám khảo: Vậy bạn nghĩ sao? Đâu là nơi tốt nhất?*  
*Học sinh: Chúng ta có thể đi đến hồ.*  
*Giám khảo: Tại sao bạn muốn đến đó?*  
*Học sinh: Tôi nghĩ ở đó rất đẹp. Phong cảnh thật tuyệt vời – và nó thực sự sạch sẽ. Không có ô nhiễm - không giống như thành phố này!*  
*Giám khảo: Vâng, bạn nói đúng. Chúng ta nên làm thế nào để đến đó?*  
*Học sinh: Tàu chạy khá nhanh phải không? Tôi nghĩ phải mất khoảng một tiếng rưỡi.*  
*Giám khảo: Vâng, đó là một ý tưởng hay. Mặc dù tôi có ô tô - nhưng tôi có thể lái xe.*  
*Học sinh: Tôi không nghĩ đó là một ý tưởng hay. Đi bằng ô tô mất nhiều thời gian hơn. Tàu hỏa chắc chắn là cách tốt nhất để đến đó.*  
*Giám khảo: OK, không sao đâu. Hãy đi bằng tàu hỏa. Nó không quá đắt phải không?*  
*Sinh viên: Không, tôi không nghĩ vậy.*  
*Giám khảo: Vậy chúng ta sẽ làm gì khi ở đó?*  
*Học sinh: Tôi thực sự thích câu cá.*  
*Giám khảo: Thật sao? Tôi không thích câu cá. Và tôi không nghĩ nhiều bạn cùng lớp khác của chúng tôi thích nó.*  
*Học sinh: Ồ, được rồi. Chà, điều đó không quan trọng. Có rất nhiều việc khác chúng ta có thể làm, phải không? Chúng ta có thể đi chèo thuyền kayak.*  
*Giám khảo: Vâng, tôi cho là vậy. Mặc dù điều đó có thể khá tốn kém.*  
*Học sinh: Hoặc chúng ta có thể đi bơi. Mọi người đều thích bơi lội phải không?*  
*Giám khảo: Vâng, họ có. Và nước không quá lạnh vào thời điểm này trong năm.*  
*Học sinh: Ồ, tôi nghĩ chúng ta đã có một kế hoạch tốt. Chúng ta hãy kể cho những người khác biết nhé?*  
*Giám khảo: Ý kiến hay đấy!*  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**4. Complete the sentences with questions tags.**  
*(Hoàn thành các câu bằng câu hỏi đuôi.)*  
1 It shouldn’t be too far, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
2 The train is quite fast, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
3 It isn’t too expensive, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
4 There are lots of other things we could do, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
5 Everybody likes swimming, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
6 Let’s tell the others, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
**Phương pháp giải:**  
Cách làm câu hỏi đuôi: Phủ định động từ chính + S?  
**Lời giải chi tiết:**  
  
1 It shouldn’t be too far, **should it**?  
*(Nó không nên đi quá xa phải không?)*  
2 The train is quite fast, **isn’t it**?  
*(Tàu chạy khá nhanh phải không?)*  
3 It isn’t too expensive, **is it**?  
*(Nó không quá đắt phải không?)*  
4 There are lots of other things we could do, **aren’t there**?  
*(Có rất nhiều việc khác chúng ta có thể làm phải không?)*  
5 Everybody likes swimming, **don’t they**?  
*(Mọi người đều thích bơi lội phải không?)*  
6 Let’s tell the others, **shall we**?  
*(Chúng ta hãy nói với những người khác nhé?)*  
**5. Listen again. Check your answers to exercise 4.**  
*(Lắng nghe một lần nữa. Kiểm tra câu trả lời của bạn cho bài tập 4.)*  
**6. Complete the sentences with questions tags.**  
*(Hoàn thành các câu bằng câu hỏi đuôi.)*  
1 You haven’t booked a hotel, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
2 We shouldn’t go away right at the end of the holiday, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
3 You’d rather stay at a campsite, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
4 I’m the only one of use who can drive, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
5 You never go on holiday with friends, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
6 Don’t forget to pack the suncream, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
**Phương pháp giải:**  
Cách làm câu hỏi đuôi: Phủ định động từ chính + S?  
**Lời giải chi tiết:**  
  
1 You haven’t booked a hotel, **have you**?  
*(Bạn chưa đặt khách sạn phải không?)*  
2 We shouldn’t go away right at the end of the holiday, **should we**?  
*(Chúng ta không nên đi xa ngay khi kết thúc kỳ nghỉ phải không?)*  
3 You’d rather stay at a campsite, **wouldn’t you**?  
*(Bạn muốn ở lại khu cắm trại phải không?)*  
4 I’m the only one of use who can drive, **aren’t I**?  
*(Tôi là người duy nhất có thể lái xe phải không?)*  
5 You never go on holiday with friends, **do you**?  
*(Bạn không bao giờ đi nghỉ cùng bạn bè phải không?)*  
6 Don’t forget to pack the suncream, **will you**?  
*(Đừng quên mang theo kem chống nắng nhé?)*  
**7. Read the task and make notes for your answers.**  
*(Đọc bài tập và ghi chú cho câu trả lời của bạn.)*  
**You and your cousin are planning a weekend away during the summer holiday. Discuss your plans with your cousin. Make a decision on these four points:**  
**• choice of destination and your reasons**  
**• accommodation**  
**• when you want to go**  
**• paying for the holiday.**  
*(Bạn và anh họ của bạn đang lên kế hoạch đi nghỉ cuối tuần trong kỳ nghỉ hè. Thảo luận kế hoạch của bạn với anh họ của bạn. Đưa ra quyết định về bốn điểm sau:*  
*• lựa chọn điểm đến và lý do của bạn*  
*• chỗ ở*  
*• khi bạn muốn đi*  
*• trả tiền cho kỳ nghỉ.)*  
**1**  Where do you want to go? Why?  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**2**  Where are you going to stay? Why? (villa / hotel / campsite / youth hostel, etc.)  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**3**  When is the best time to go? (beginning / middle / end of summer)  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**4**  What activities do you want to do on holiday?  
 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Lời giải chi tiết:**  
**1 Where do you want to go? Why?**  
*(Bạn muốn đi đâu? Tại sao?)*  
- Destination: Coastal town  
- Reasons:  
• Both enjoy the beach and coastal atmosphere.  
• Proximity for a shorter travel time.  
• Opportunities for relaxation and adventure.  
*(- Điểm đến: Thị trấn ven biển*  
*- Lý do:*  
*• Cả hai đều thích bãi biển và không khí ven biển.*  
*• Gần nhau nên thời gian di chuyển ngắn hơn.*  
*• Cơ hội thư giãn và phiêu lưu.)*  
**2 Where are you going to stay? Why? (villa / hotel / campsite / youth hostel, etc.)**  
*(Bạn định ở đâu? Tại sao? (biệt thự / khách sạn / khu cắm trại / ký túc xá thanh niên, v.v.))*  
- Villa  
- Reason:  
• Offers comfort and privacy.  
• More immersive experience than a hotel.  
• Allows for shared spaces and socializing.  
*(- Biệt thự*  
*- Lý do:*  
*• Mang lại sự thoải mái và riêng tư.*  
*• Trải nghiệm phong phú hơn ở khách sạn.*  
*• Cho phép chia sẻ không gian và giao lưu.)*  
**3 When is the best time to go? (beginning / middle / end of summer)**  
*(Nên đi vào thời điểm nào là tốt nhất? (đầu / giữa / cuối mùa hè))*  
Middle of summer  
*(Giữa mùa hè)*  
**4 What activities do you want to do on holiday?**  
*(Bạn muốn làm hoạt động gì vào kỳ nghỉ?)*  
- Water-based activities: swimming, snorkeling, and kayaking.  
- Explore local cuisine and seafood restaurants.  
- Check for local events or festivals during our stay.  
*(- Các hoạt động dưới nước: bơi lội, lặn với ống thở và chèo thuyền kayak.*  
*- Khám phá ẩm thực địa phương và nhà hàng hải sản.*  
*- Xem các sự kiện hoặc lễ hội địa phương trong thời gian lưu trú của chúng tôi.)*  
**8. Now do the speaking task. Use your notes from exercise 7.**  
*(Bây giờ hãy thực hiện nhiệm vụ nói. Sử dụng ghi chú của bạn từ bài tập 7.)*  
**Lời giải chi tiết:**  
**You:** Hey! I was thinking about our weekend getaway. What do you think about going to a coastal town?  
**Cousin:** Oh, that sounds great! Why a coastal town?  
**You:** It’s a good mix of relaxation and adventure there.  
**Cousin:** Perfect! Now, where should we stay?  
**You:** I was thinking of renting a villa. It offers comfort and privacy, and it's more immersive than a hotel. We can also have shared spaces for socializing.  
**Cousin:** Good call! When's the best time for this trip?  
**You:** I checked, and I think the middle of summer would be ideal. Weather-wise, it's more predictable, and there might be some local events or festivals going on.  
**Cousin:** Sounds like a plan! What activities do you have in mind?  
**You:** I thought we could do some water-based activities like swimming, snorkeling, and kayaking. And of course, exploring local cuisine and seafood restaurants. We should also check for any events or festivals during our stay.  
**Cousin:** That sounds like an amazing weekend! How should we handle the budget?  
**You:** Let's agree on a budget first. We can split expenses evenly or based on specific responsibilities. I'll also look into booking things in advance for potential discounts.  
**Cousin:** Perfect! Let's get this plan into action. I'm excited!  
*(Bạn: Này! Tôi đang nghĩ về chuyến đi nghỉ cuối tuần của chúng ta. Bạn nghĩ gì về việc đi đến một thị trấn ven biển?*  
*Anh họ: Ồ, nghe tuyệt quá! Tại sao lại là một thị trấn ven biển?*  
*Bạn: Nó là một kết hợp tốt giữa thư giãn và phiêu lưu đó.*  
*Anh họ: Hoàn hảo! Bây giờ chúng ta nên ở đâu?*  
*Bạn: Tôi đang nghĩ đến việc thuê một biệt thự. Nó mang lại sự thoải mái và riêng tư, đồng thời còn đắm chìm hơn một khách sạn. Chúng ta cũng có thể có không gian chung để giao lưu.*  
*Anh họ: Nghe hay đó! Khi nào là thời điểm tốt nhất cho chuyến đi này?*  
*Bạn: Tôi đã kiểm tra và tôi nghĩ giữa mùa hè sẽ là thời điểm lý tưởng. Về mặt thời tiết, điều đó dễ dự đoán hơn và có thể có một số sự kiện hoặc lễ hội địa phương đang diễn ra.*  
*Anh họ: Nghe giống như một kế hoạch vậy! Những hoạt động nào bạn đang nghĩ ra vậy?*  
*Bạn: Tôi nghĩ chúng ta có thể thực hiện một số hoạt động dưới nước như bơi lội, lặn với ống thở và chèo thuyền kayak. Và tất nhiên, khám phá ẩm thực địa phương và nhà hàng hải sản. Chúng ta cũng nên kiểm tra xem có sự kiện hoặc lễ hội nào trong thời gian lưu trú không.*  
*Anh họ: Nghe có vẻ là một ngày cuối tuần tuyệt vời! Chúng ta nên xử lý ngân sách như thế nào?*  
*Bạn: Trước tiên hãy thống nhất về ngân sách. Chúng ta có thể chia đều chi phí hoặc dựa trên trách nhiệm cụ thể. Tôi cũng sẽ xem xét việc đặt trước mọi thứ để có thể được giảm giá.*  
*Anh họ: Hoàn hảo! Hãy bắt tay vào thực hiện kế hoạch này. Tôi rất vui mừng!)*  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 8A. Vocabulary (trang 64)**  
**Unit 8B. Grammar (trang 65)**  
**Unit 8C. Listening (trang 66)**  
**Unit 8D. Grammar (trang 67)**  
**Unit 8E. Word Skills (trang 68)**  
**Unit 8F. Reading (trang 69)**  
**Unit 8H. Writing (trang 71)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4: Home  
Unit 5: Technology  
Unit 6: High flyers  
Unit 7: Artists  
Cumulative Review